

Số: 1832 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, huyện Thọ Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII: Số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019; số 160/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 về việc chấp thuận bổ sung Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2019;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân tại Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 02/4/2019;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 501/TTr-STNMT ngày 14/5/2019, kèm theo Báo cáo thẩm định số 112/BC-STNMT ngày 14/5/2019 về việc thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, huyện Thọ Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, huyện Thọ Xuân với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng diện tích		29.229,51
1	Đất nông nghiệp	NNP	19.233,98
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.489,64
3	Đất chưa sử dụng	CSD	505,90

(Chi tiết có Phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	304,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	106,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>106,80</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	142,78
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	7,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	47,71
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		37,98

(Chi tiết có Phụ biểu số 02 kèm theo)

3. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		229,68
1	Đất nông nghiệp	NNP	208,62
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	21,06

(Chi tiết có Phụ biểu số 03 kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		1,20
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,20

(Chi tiết có Phụ biểu số 04 kèm theo)

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2019: Chi tiết có Phụ biểu số 05 kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định của UBND tỉnh; thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Thọ Xuân.

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thọ Xuân để tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng tự nhiên theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo đúng thời gian quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hoặc đất có rừng tự nhiên để báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; đồng thời cân đối, huy động các nguồn lực để thực hiện đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2019.

- Chấp hành pháp luật đất đai và các quy định của pháp luật chuyên ngành khác có liên quan; quyết định đưa đất vào sử dụng đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và PTNT; UBND huyện Thọ Xuân và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

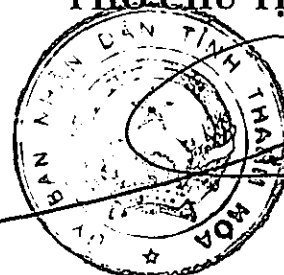
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (t/hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.
(MC135.5.19)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *clan*



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu số 04:

KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2019

HUYỆN THỌ XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 16 / 5 /2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã				
				Thị trấn Thọ Xuân	Xuân Sơn	Thọ Lâm	Thọ Minh	Quảng Phú
1	Đất nông nghiệp	NNP						
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS						
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,20	0,17	0,03	0,05	0,75	0,2
2.1	Đất quốc phòng	CQP						
2.2	Đất an ninh	CAN						
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.4	Đất khu chế xuất	SKT						
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN						
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD						
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC						
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,03		0,03			
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT						
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA						
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,25			0,05		0,2
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,17	0,17				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC						
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS						
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON						
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD						
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,75				0,75	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH						
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV						
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN						
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON						
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC						
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						

Phụ biểu số 05:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019
THUYỀN THỌ XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 16 / 5 /2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



TT	Hạng mục	Mã	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2019 (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)
1	Công trình, dự án do hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		363,56	
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	5,50	
1.1	Khu dân cư tập trung (Bưu Điện cũ)	ODT	1,87	Thị trấn Thọ Xuân
1.2	Khu dân cư tập trung (Đồng Sào)	ODT	1,15	Thị trấn Thọ Xuân
1.3	Khu dân cư tập trung (Đồng Chon Khu 5)	ODT	0,17	Thị trấn Thọ Xuân
1.4	Khu dân cư tập trung (Chợ Phủ Khu 1)	ODT	0,31	Thị trấn Thọ Xuân
1.5	Khu dân cư tập trung	ODT	2,00	TT Sao Vàng
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	52,01	
1.1	Khu dân cư mở rộng thị trấn	ONT	5,00	Hạnh Phúc
1.2	Khu dân cư tập trung thôn 1	ONT	10,00	Hạnh Phúc
1.3	Khu dân cư Đồng Đình xóm 4	ONT	0,35	Xuân Châu
1.4	Khu dân cư Cồn Khua thôn 6	ONT	0,64	Xuân Phong
1.5	Khu dân cư Đồng Khua thôn 7	ONT	0,70	Xuân Phong
1.6	Khu dân cư tập trung Thôn 1	ONT	0,74	Thọ Lâm
1.7	Khu dân cư tập trung Thôn Đàng Lâu, Quận Ngọc	ONT	1,72	Thọ Lâm
1.8	Khu dân cư tập trung Đồng Lốc, thôn Tân Phúc	ONT	1,54	Thọ Lâm
1.9	Khu dân cư cầu Đất thôn 1 Yên Trường	ONT	0,32	Thọ Lập
1.10	Khu dân cư mới thôn Đại Thắng	ONT	0,60	Thọ Thắng
1.11	Khu dân cư dọc đường Liên xã Thọ Thắng - Xuân Lập	ONT	0,70	Thọ Thắng
1.12	Khu dân cư mới Khu Đồng Mau - Thôn Thọ Tân	ONT	0,40	Xuân Tân
1.13	Khu dân cư mới Khu Đồng Bịp - Thôn Phong Mỹ	ONT	0,80	Xuân Tân
1.14	Khu dân cư mới xóm 27	ONT	0,84	Xuân Tín
1.15	Khu dân cư mới làng Trung Thôn	ONT	1,70	Bắc Lương
1.16	Khu dân cư tập trung thôn 7	ONT	0,80	Phú Yên
1.17	Khu xen cư Ao cây trôi; Xóm điện	ONT	0,80	Thọ Diên
1.18	Khu dân cư tập trung thôn Hương I	ONT	0,50	Thọ Hải
1.19	Khu dân cư tập trung thôn Hương II	ONT	1,00	Thọ Hải
1.20	Khu dân cư tập trung thôn Phần Thôn	ONT	0,50	Thọ Hải
1.21	Khu dân cư tập trung Đồng Làng Thôn 3 & Thôn 9	ONT	1,28	Thọ Minh
1.22	Khu dân cư tập trung thôn 1, thôn 9	ONT	0,55	Thọ Trường
1.23	Khu dân cư tập trung thôn 4	ONT	2,13	Xuân Giang
1.24	Khu dân cư tập trung thôn Vôi, thôn Kim Ôc, thôn Phúc Thượng	ONT	1,57	Xuân Hòa
1.25	Khu dân cư đồng Cát, đồng Hẫu, Mã Quan thôn 1	ONT	1,04	Xuân Khánh
1.26	Khu dân cư mới Thôn Bột Thượng	ONT	0,56	Xuân Sơn

TT	Hạng mục	Mã	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2019 (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)
1.27	Khu dân cư mới Thôn Hoàng Kim	ONT	0,50	Xuân Sơn
1.28	Khu dân cư mới đường vào Lê Hoàn	ONT	2,00	Xuân Lai
1.29	Khu dân cư đồng Cửa Chùa thôn 2	ONT	0,20	Xuân Khánh
1.30	Khu dân cư tập trung (Mã cổ dưới-thôn Phong Lạc 1)	ONT	0,60	Nam Giang
1.31	Khu dân cư mới Mỹ Hạ	ONT	0,80	Bắc Lương
1.32	Khu dân cư tập trung	ONT	1,40	Xuân Thiên
1.33	Khu dân cư tập trung (thôn 7)	ONT	0,80	Xuân Bái
1.34	Khu dân cư tập trung (thôn Phúc Lâm)	ONT	0,30	Xuân Lam
1.35	Khu dân cư tập trung	ONT	0,60	Xuân Thành
1.36	Khu dân cư tập trung thôn 3,4,5,6,11,12,15,17	ONT	1,09	Quảng Phú
1.37	Khu dân cư tập trung thôn 7	ONT	0,90	Quảng Phú
1.38	Khu dân cư Đồng Xón thôn Thọ Cần	ONT	0,29	Xuân Vinh
1.39	Khu dân cư tập trung (thôn 4,5,6 đường Quế Sơn)	ONT	0,70	Hạnh Phúc
1.40	Khu dân cư tập trung (Ao khu 1)	ONT	0,30	Hạnh Phúc
1.41	Khu dân cư tập trung	ONT	0,40	Xuân Trường
1.42	Khu dân cư tập trung (Thôn 6)	ONT	0,40	Tây Hồ
1.43	Khu dân cư tập trung (Thôn 4)	ONT	0,40	Tây Hồ
1.44	Khu dân cư tập trung (Thôn 2)	ONT	0,02	Tây Hồ
1.45	Khu dân cư tập trung (thôn Phúc Hưng)	ONT	0,90	Xuân Hưng
1.46	Khu dân cư Bồng Rùm Thôn Trung Lập 1	ONT	0,30	Xuân Lập
1.47	Khu dân cư tập trung Cửa thường Thôn Vũ Hạ	ONT	0,03	Xuân Lập
1.48	Khu dân cư tập trung đồng Cáo Còm thôn Vinh Quang	ONT	0,90	Xuân Minh
1.49	Khu dân cư tập trung (thôn 6)	ONT	1,00	Xuân Quang
1.50	Khu dân cư tập trung	ONT	0,40	Xuân Yên
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	0,53	
3.1	Quy hoạch mở rộng trụ sở UBND xã	TSC	0,53	Thọ Thắng
4	Công trình giao thông	DGT	146,74	
4.1	Giao thông trong khu dân cư	DGT	0,35	Nam Giang
4.2	Mở mới tuyến đường từ QL 47B đi QL 47 A(Ngã tư bến xe đi Sao Vàng)	DGT	0,70	Thị trấn Thọ Xuân
		DGT	4,00	Xuân Giang
		DGT	2,00	Xuân Trường
		DGT	3,00	Xuân Quang
		DGT	7,00	Xuân Hưng
		DGT	7,00	Xuân Sơn
4.3	Mở mới tuyến đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh đến cầu Bái Thượng	DGT	13,00	Xuân Phú
		DGT	14,00	Thọ Xương
		DGT	10,00	Xuân Bái
4.4	Mở rộng đường từ Thọ Diên đi Xuân Sơn đi qua các xã	DGT	0,30	Thọ Diên
		DGT	0,80	Thọ Lâm

TT	Hạng mục	Mã	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2019 (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)
	(Thọ Dien - Thọ Lam - Xuân Hưng - Xuân Sơn)	DGT	0,60	Xuân Hưng
		DGT	0,90	Xuân Sơn
4.5	Mở rộng đường từ Thọ Nguyên - Bắc Lương - Nam Giang	DGT	0,50	Thọ Nguyên
		DGT	0,30	Bắc Lương
		DGT	0,40	Nam Giang
4.6	Mở rộng đường từ Thọ Lập đi Xuân Châu	DGT	0,50	Thọ Lập
		DGT	0,40	Xuân Châu
4.7	Mở rộng đường đi Xuân Minh - Xuân Lập - Thọ Thắng	DGT	0,20	Xuân Minh
		DGT	0,30	Xuân Lập
		DGT	0,60	Thọ Thắng
4.8	Mở rộng đường Xuân Tín đi Quảng Phú (Cầu Nha)	DGT	0,30	Xuân Tín
		DGT	0,30	Quảng Phú
4.9	Bãi đỗ xe	DGT	0,83	Xuân Yên
4.10	Khu bảo trì, bảo dưỡng máy bay	DGT	46,15	Xuân Thắng, Xuân Sơn,
		TMD	32,00	TT Sao Vàng
4.11	Cầu làng Chiềng	DGT	0,17	Xuân Sơn
4.12	Cầu Vàng	DGT	0,14	Xuân Minh
5	Công trình thủy lợi	DTL	2,17	
5.1	Thủy lợi trong khu dân cư	DTL	0,07	Thị trấn Thọ Xuân
5.2	Thủy lợi trong khu dân cư	DTL	0,03	Nam Giang
5.3	Thủy lợi trong khu dân cư	DTL	0,01	Xuân Thiên
5.4	Thủy lợi trong khu dân cư	DTL	0,03	Thị trấn Lam Sơn
5.5	Hệ thống bơm tưới nước khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn	DTL	2,03	Xuân Bái
6	Công trình văn hóa	DVH	0,88	
6.1	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	DVH	0,88	Hạnh Phúc
7	Công trình thể dục, thể thao	DTT	2,80	
7.1	Quy hoạch mới sân vận động thôn	DTT	0,30	Xuân Châu
7.2	Khu thể thao, vui chơi giải trí Thọ Xuân	DTT	2,50	TT. Thọ Xuân, Tây Hồ
8	Dự án cơ sở giáo dục, đào tạo	DGD	3,08	
8.1	Mở rộng trường THPT Thọ Xuân 4	DGD	1,10	Thọ Lập
8.2	Mở rộng trường Mầm non	DGD	0,88	Xuân Lai
8.3	Dự án trường mầm non tư thục kết hợp thể thao học đường tại xã Hạnh Phúc	DGD	0,55	Hạnh Phúc
8.4	Dự án trường mầm non tư thục kết hợp thể thao học đường tại xã Thọ Xương	DGD	0,55	Thọ Xương
9	Dự án sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,41	
9.1	Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn Phú Vinh	DSH	0,35	Thọ Thắng
9.2	Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn	DSH	0,06	Xuân Yên
10	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	47,04	
10.1	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa xã	NTD	2,04	Nam Giang
10.2	Dự án Khu nghĩa trang tại huyện Thọ Xuân	NTD	45,00	Xuân Thắng

TT	Hạng mục	Mã	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2019 (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)
12	Dự án thương mại - dịch vụ, cơ sở kinh doanh phi NN, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng		56,23	
12.1	Khu thương mại dịch vụ nông lâm sản tại xã Xuân Phú	TMD	0,80	Xuân Phú
12.2	Khu kinh doanh vật liệu xây dựng và showroom ô tô - xe máy Trang Anh	TMD	0,85	Xuân Phú
12.3	Khu thể thao và trung tâm tổ chức sự kiện Huyện Anh	TMD	0,88	Xuân Phú
12.4	Cửa hàng xăng dầu tại xã Xuân Phú	TMD	0,60	Xuân Phú
12.5	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Tân Huy Ngọ	TMD	0,80	Hạnh Phúc
12.6	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và showroom ô tô, xe máy Mạnh Hải	TMD	0,81	Hạnh Phúc
12.7	Cửa hàng xăng dầu Hạnh Phúc	TMD	0,20	Hạnh Phúc
12.8	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	TMD	0,50	Hạnh Phúc, Tây Hồ
12.9	Khu dịch vụ thương mại Lộc Linh	TMD	0,55	Hạnh Phúc
12.10	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thọ Xuân	TMD	1,00	Hạnh Phúc
12.11	Cửa hàng xăng dầu tại xã Hạnh Phúc	TMD	0,30	Hạnh Phúc
12.12	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Năm Dững	TMD	0,56	Thọ Xương
12.13	Khu thương mại tổng hợp GSH Thọ Xuân	TMD	0,86	Thọ Xương
12.14	Đất dịch vụ thương mại thuộc khu công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam	TMD	2,00	Xuân Bái, Xuân Phú, Thọ Xương
12.15	Dự án khu sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Tấn Thủy	TMD	0,35	Xuân Minh
12.16	Cửa hàng xăng dầu Xuân Hưng	TMD	0,30	Xuân Hưng
12.17	Cửa hàng xăng dầu Thái An	TMD	0,21	Xuân Giang
12.18	Cửa hàng xăng dầu và khu thương mại dịch vụ Đức Minh	TMD	0,60	Xuân Phong
12.19	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp xã Xuân Phong	TMD	0,34	Xuân Phong
12.20	Cửa hàng vật liệu xây dựng	TMD	1,40	Xuân Phong
12.21	Cây xăng Xuân Thành	TMD	0,30	Xuân Thành
12.22	Cây xăng Xuân Châu	TMD	1,30	Xuân Châu
12.23	Khu TMDV vui chơi giải trí và ẩm thực đồng quê Thái Sơn	TMD	0,70	Xuân Vinh
12.24	Khu dịch vụ thương mại Bình Thuận	TMD	0,95	Thị trấn Lam Sơn
12.25	Bến xe Lam Sơn - Sao Vàng kết hợp kinh doanh dịch vụ thương mại (Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Thăng Long Hà Nội)	TMD	4,50	Xuân Thắng
12.26	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Hưng Vượng (Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại và cây xanh Hưng Vượng)	TMD	0,98	Xuân Thắng
13	Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh phi NN	SKC	14,61	
13.1	Dự án xưởng sản xuất vật liệu gỗ công nghiệp và nội thất xuất khẩu Xuân Phú	SKC	0,90	Xuân Phú
13.2	Nhà máy sản xuất, chế biến lâm sản Đồng Tâm	SKC	4,00	Xuân Phú
13.3	Nhà máy may xuất khẩu Tùng Phương	SKC	1,80	Xuân Phú

TT	Hạng mục	Mã	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2019 (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)
13.4	Trung tâm dịch vụ sản xuất, cung ứng máy xay, máy sấy lúa, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp	SKC	0,75	Xuân Minh
13.5	Nhà máy may Thọ Xuân Corporation II	SKC	7,16	Thọ Lộc
13.6	Nhà máy sản xuất hạt nhựa PE	SKC	1,16	Thọ Lộc
14	Dự án sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	24,16	
14.1	Bãi tập kết, kinh doanh cát tại Thọ Trường	SKX	0,36	Thọ Trường
14.2	Bãi tập kết, kinh doanh cát tại Xuân Bái	SKX	0,30	Xuân Bái
14.3	Mỏ đất sét làm gạch men tại xã Xuân Phú	SKX	2,50	Xuân Phú
14.4	Mỏ đất san lấp mặt bằng	SKX	5,00	Xuân Sơn
14.5	Mỏ khai thác đất làm gạch	SKX	3,00	Xuân Thắng
14.6	Mỏ khai thác đất làm gạch	SKX	10,00	Xuân Phú
14.7	Mỏ đất san lấp mặt bằng	SKX	3,00	Xuân Châu
15	Đất nông nghiệp khác	NKH	20,18	
15.1	Cụm trại liên kết chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu theo chuỗi - 3A Xuân Trường	NKH	5,38	Xuân Trường, Xuân Giang
15.2	Trang trại trồng hoa Xuân Giang	NKH	0,80	Xuân Giang
15.3	Dự án Trang trại trồng cây ăn quả kết hợp chăn nuôi bò sạch xã Xuân Phú	NKH	10,00	Xuân Phú
15.4	Cụm trại liên kết chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu theo chuỗi công nghệ cao- 4A Xuân Châu	NKH	4,00	Xuân Châu
II	Dự án thực hiện năm 2018, cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019		29,12	
1	Bãi tập kết, kinh doanh cát	SKX	0,75	Thọ Minh
2	Bãi tập kết, kinh doanh cát	SKX	0,40	Thọ Trường
3	Bãi tập kết, kinh doanh cát	SKX	0,40	Thọ Lâm
4	Nhà máy gạch tuynel	SKX	3,26	Thọ Minh
5	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Lan Chi	TMD	2,21	Hạnh Phúc
6	Nhà máy sản xuất, chế biến tinh bột nghệ Nhật Long	SKC	1,90	Xuân Phú
7	Khu trang trại tổng hợp công nghệ cao Quảng Lợi	NKH	17,8	Xuân Thiên, Thọ Minh
8	Dự án siêu thị A&S Mart	TMD	1,10	Thọ Xương
9	Cửa hàng xăng dầu Xuân Phú	TMD	1,30	Xuân Phú
10	Nhà máy may thời trang xuất khẩu Tây Hồ	SKN	2,41	Tây Hồ